

Bản án số: 167/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2021

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:** Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **22/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021** về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021** và Quyết định hoãn phiên tòa số **47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2021**, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Nhật Phi S, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Chị Phan Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh S có đơn xin vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Lê Nhật Phi S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết anh S trình bày:*

Anh và chị H do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/03/2011. Thời gian đầu chung sống bình thường, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng ý kiến. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: có hai con chung tên Lê Thị Thùy T, sinh ngày 30/6/2011 và cháu Lê Trung B, sinh ngày 26/8/2019. Hiện tại cháu T và cháu B đang sống chung với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu T và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu B.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, anh không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

* *Bị đơn chị Phan Thị H* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của Anh Lê Nhật Phi S.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh S. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh S được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao cháu B, cháu T cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, Anh Lê Nhật Phi S có đơn xin vắng mặt, chị Phan Thị H được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng chị vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*" cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị H cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/3/2011, anh chị tiến đến hôn nhân là do tự nguyện. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án anh S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị thường xuyên cãi vã do bất đồng ý kiến. Tuy Tòa án có tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị, nhưng

chính quyền địa phương cũng không rõ anh chị có mâu thuẫn gì. Tòa án triệu tập chị H nhiều lần nhưng chị H không đến Tòa để trình bày ý kiến. Chị H cũng không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh S. Điều này cho thấy rằng, chị H không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa anh S và chị H không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S.

[4] Về con chung: có hai con chung tên Lê Thị Thùy T, sinh ngày 30/6/2011 và cháu Lê Trung B, sinh ngày 26/8/2019. Hiện tại cháu T và cháu B đang sống chung với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, để cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu T và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu B.

Xét thấy, cháu B mặc dù dưới 36 tháng tuổi nhưng cháu sống với anh S đã có cuộc sống ổn định và anh S cũng có yêu cầu được nuôi cháu B. Riêng cháu T có nguyện vọng sống với chị H, chị H tuy có đi làm, không thường xuyên ở nhà, nhưng theo chính quyền địa phương cho biết thì tối đến chị H vẫn trở về nhà. Mặc dù chị H không trình bày ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nhưng Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu B cho anh S, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S, chị H chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Anh S yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Lê Nhật Phi S.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Nhật Phi S được ly hôn với chị Phan Thị H.

2. Về con chung: Anh S được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Trung B, sinh ngày 26/8/2019. Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thùy T, sinh ngày 30/6/2011.

Anh S, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Anh S, chị H cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người còn lại thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0017121 ngày 22/01/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên **anh S** đã nộp xong án phí.

Chị H không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh S và chị H được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện G;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh